

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày: 19 - 01- 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi - Nguyên Phó Hiệu trưởng Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức).
2. Ông Cao Quốc Hưng – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 371/2021/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 656/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án hình sự số: 13/2021/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Duy H, sinh năm 1948, tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Đường X, phường Y, quận Z (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Hưu trí; con ông Lê Văn Năm (©) và bà Trần Thị Thu (©); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Em Bùi Lâm Thanh Th, sinh ngày 04/4/2006 (Xin vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Bùi Thị B; sinh năm 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Đường M, phường N, Quận O (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Trần Ngọc N - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Chi hội trưởng Chi hội Luật sư - Hội bảo vệ quyền trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Trung T - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định - Hội viên Chi hội Luật sư – Hội bảo vệ quyền trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo H:*

1. Ông Bùi Trọng H1 - Luật sư của Công ty luật B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (Có mặt).

2. Ông Hoàng Công K - Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Bùi Thị B và con ruột là em Bùi Lâm Thanh Th1 (sinh ngày 04/4/2006) thuê trọ tại Nhà số *, Đường số *, Khu phố *, phường M, Quận N (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cháu Th1 ở trọ, ở gần nhà của ông Lê Duy H tại: Đường Q, phường P, Quận N (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Do trước nhà H có để 01 bộ bàn ghế đá nên em Th1 và một số trẻ em trong xóm trọ hay đến đây ngồi chơi nên từ đó em Th1 biết ông H. Vào khoảng cuối tháng 05/2020 (không nhớ ngày cụ thể), khi Th1 đến nhà ông H chơi lúc này nhà của ông H không có ai ở nhà ông H đã dụ dỗ em Th1 vào phòng ngủ của mình ở lầu 1 để quan hệ tình dục với em Th1.

Đến cuối tháng 06/2020, chị B phát hiện em Th1 có biểu hiện mệt mỏi, nôn ói nên ngày 30/6/2020 đưa Th1 đi khám tại Bệnh viện Quận 2. Sau khi siêu âm thì phát hiện em Th1 có thai khoảng 07 tuần. Lúc này, chị B hỏi thì em Th1 nói bị ông Lê Duy H thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại nhà của ông H ở phường Bình Trưng Tây, Quận 2. Do vậy, chị B đã dẫn em Th1 đến Công an phường Bình Trưng Tây, Quận 2 để trình báo sự việc. Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 phối hợp cùng Viện kiểm sát, Công an phường Bình Trưng Tây xuống ghi nhận hiện trường, lấy lời khai bị hại và người có liên quan. Tại Cơ quan điều tra, Lê Duy H không nhận đã có hành vi giao cấu với em Th1.

Quá trình điều tra, chị Bùi Thị B có nguyện vọng thực hiện biện pháp y học chấm dứt tình trạng thai kỳ của em Bùi Lâm Thanh Th1 do em Th1 còn quá nhỏ, gia đình khó khăn về kinh tế, nếu sinh đứa em ra sẽ ảnh hưởng đến tương lai của

em Th1 sau này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 đã có văn bản đề nghị Bệnh viện Từ Dũ phối hợp thực hiện biện pháp y học chấm dứt tình trạng thai kỳ đối với em Th1. Đồng thời, thực hiện việc thu thập, bảo quản mẫu mô thai và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 để phục vụ công tác giám định.

Căn cứ Bản Kết luận giám định pháp y về ADN số 1.193-2020/ADN ngày 15/7/2020 Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế TP.Hồ Chí Minh thì: Lê Duy H là người cha sinh học của mô thai; Bùi Lâm Thanh Th1 là người mẹ sinh học của mô thai.

Ngày 25/9/2020, Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 12/TTPY.GT-20 ngày 25/9/2020 trả lời như sau: *“Cho đến nay tại Việt Nam cũng như trên thế giới chưa có phương pháp giám định pháp y nào giúp xác định thời gian và số lần nạn nhân bị xâm hại tình dục”*.

Với các chứng cứ được giám định, Lê Duy H đã thừa nhận thực hiện hành vi giao cấu 01 lần với em Th1 vào khoảng tháng 05/2020 (tính tới thời điểm này thì em Th1 đã đủ 13 tuổi) tại phòng riêng của mình ở Đường số *, phường T, Quận N và làm nạn nhân có thai như trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho em Th1 và gia đình. Chị Bùi Thị B đã nhận số tiền trên đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số: 03/CT-VKSTPTĐ ngày 18/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Duy H về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Duy H từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã có hành vi quan hệ 01 lần vào khoảng tháng 5/2020 với em Th1, đồng ý với bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng và không tranh luận.

Ý kiến của chị Bùi Thị B là đại diện hợp pháp của bị hại:

Hoàn cảnh gia đình bị hại rất khó khăn, em Th1 từ sau khi bị xâm hại tình dục thì tinh thần không ổn định, tâm lý rất hoang mang. Gia đình đã nhận

150.000.000 đồng của gia đình bị cáo bồi thường, và gia đình yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của Luật sư Bùi Trọng HI bào chữa cho bị cáo:

Xuất phát từ nguyên nhân khách quan, chủ quan của bị hại, bị cáo đã không ý thức được sự tự nguyện của bị hại nên đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Bên cạnh đó, bị cáo là người già, tham gia và có nhiều đóng góp cho quân đội; bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, o, x Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Luật sư Hoàng Công K bào chữa cho bị cáo xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi luận cứ bào chữa như sau:

Luật sư không tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết quy định tại điểm b, o, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Hiện nay, tình trạng xâm hại tình dục đối với trẻ em đang là vấn đề được dư luận xã hội hết sức quan tâm. Bên cạnh đó, pháp luật cũng đã có những quy định riêng về vấn đề này nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm đối với hành vi của bị cáo nhằm đảm bảo sự răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Độ tuổi bị hại còn quá nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, từ sau khi lấy thai thì sức khỏe và tinh thần của bị hại không được bình thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định hình phạt thật nghiêm khắc.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo chưa thành khẩn. Tại phiên tòa, bị cáo H khai sau khi vào phòng thì cháu Th1 đã cởi bỏ quần áo, rồi sau đó hai bên quan hệ tình dục. Điều này là mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại Biên bản hỏi cung ngày 06/8/2020 (Bút lục số 140). Bên cạnh đó, bị hại khai bị cáo đã quan hệ tình dục với bị hại nhiều lần nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ số lần và thời điểm quan hệ.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tranh luận:

Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Xét thấy, căn cứ kết luận của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thì không có bất kỳ phương pháp nào có thể xác định số lần và thời gian quan hệ tình dục, bị cáo thừa nhận chỉ quan hệ với

bị hại lần duy nhất 01 lần vào khoảng tháng 5/2020, ngoài lời khai duy nhất của bị hại thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh giữa bị cáo và bị hại đã quan hệ tình dục nhiều lần nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý sau. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà đề nghị tiếp tục xét xử bị cáo theo tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát truy tố.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Tuy nhiên, xét thấy trong giai đoạn điều tra, bị cáo khai báo quanh co, ban đầu không thừa nhận có hành vi giao cấu, chỉ sau khi có kết quả giám định ADN thì bị cáo mới thay đổi lời khai. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không thừa nhận hành vi phạm tội, không có thái độ thành khẩn. Do đó, Kiểm sát viên giữ nguyên các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo bị truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự và bị cáo không đáp ứng các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của Luật sư bào chữa.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo hiện đang bị bệnh nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét trong quá trình điều tra, ban đầu bị cáo không thừa nhận hành vi của mình. Tuy nhiên, căn cứ Bản Kết luận giám định pháp y về ADN số 1.193-2020/ADN ngày 15/07/2020 Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh thì: “*Lê Duy H là người cha sinh học của mô thai; Bùi Lâm Thanh Th1 là người mẹ sinh học của mô thai*”. Dựa trên kết quả giám định pháp y, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, biên bản

khám nghiệm hiện trường, cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Bị cáo Lê Duy H đã thực hiện hành vi giao cấu 01 lần với em Th1 vào khoảng tháng 05/2020 (tính tới thời điểm này thì em Th1 đã đủ 13 tuổi) tại phòng riêng của mình ở Đường M, phường N, quận O (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đến nạn nhân có thai. Hành vi của bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” được quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Về ý kiến của Luật sư Nguyễn Trung T đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với hành vi của bị cáo giao cấu nhiều lần và khi bị hại chưa đủ 13 tuổi. Xét thấy, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định để xác định số lần và thời điểm giao cấu nhưng không có phương pháp giám định pháp y nào có thể xác định được. Như vậy, ngoài lời khai bị hại thì không có chứng cứ gì khác chứng minh hành vi quan hệ nhiều lần, khi bị hại chưa đủ 13 tuổi. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đề nghị này của Luật sư.

[4] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em, gây dư luận xấu trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt nghiêm đối với hành vi của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện môi trường cải tạo nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo thực hiện hành vi giao cấu khi bị hại hơn 13 tuổi nhưng dưới 16 tuổi nên thuộc trường hợp “*Giao cấu với người đủ từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và là người trên 70 tuổi. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, đã tham gia vào Quân đội nhân dân Việt Nam từ năm 1976 đến ngày nghỉ hưu. Trong quá trình

công tác bị cáo có nhiều cống hiến và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và nhiều bằng khen, giấy khen khác nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

[7] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Xét đây là thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và gia đình bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Duy H** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Duy H**: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Tiếp tục duy trì lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 67/2020/QĐ-BPNC ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức) cho đến khi bị cáo nhận được quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự,

- Buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc